

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ-ART ngày 11/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc mua Trụ sở Công ty tại tòa nhà Falcon Hà Đông
- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua việc tạm thời ghi nhận khoản tiền ủy thác theo hợp đồng số 92/2010/HĐUT/Artex-PTTT ngày 21/9/2010 vào thu nhập bất thường năm 2015. Trong trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ phải trả, Công ty sẽ ghi nhận vào chi phí bất thường sau.

Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện:

- Ký kết Hợp đồng đặt cọc số 0424/HĐ/STAR-ART ngày 24/4/2015 với Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội về việc thuê một phần diện tích văn phòng thuộc Tòa nhà FALCON Hà Đông với thời gian thuê đến hết thời hạn hoạt động của dự án. Trong kỳ, Công ty đã thanh toán số tiền đặt cọc theo điều khoản thanh toán trên Hợp đồng là 40.000.000.000 VND.
- Ký kết Hợp đồng đầu tư số 10/2015/HĐ/FLCTRAVEL-ART ngày 27/4/2015 với Công ty Cổ phần FLC Travel về việc đầu tư mở rộng, phát triển các dịch vụ do Công ty CP FLC Travel cung cấp với giá trị khoản đầu tư là 9.000.000.000 VND. Đơn vị đã tất toán và thu lại toàn bộ số tiền của khoản đầu tư này trong năm 2015.
- Ký kết Hợp đồng đầu tư kinh doanh số 11/2015/HĐ/FLCTRAVEL-ART ngày 4/5/2015 với Công ty Cổ phần FLC Travel về việc đầu tư phương tiện vận tải với giá trị khoản đầu tư là 6.000.000.000 VND. Đơn vị đã tất toán và thu lại toàn bộ số tiền của khoản đầu tư này trong năm 2015.
- Ký kết Hợp đồng đầu tư kinh doanh số 405/2015/HĐ/ROR-ART ngày 4/5/2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư R.O.R Việt Nam về việc kinh doanh, phân phối vật liệu xây dựng và hàng hóa với giá trị khoản đầu tư là 15.000.000.000 VND. Đơn vị đã tất toán và thu lại toàn bộ số tiền của khoản đầu tư này trong năm 2015.
- Xử lý khoản nợ phải trả cho bà Phạm Thị Thành Thủy vào thu nhập bất thường năm 2015 với giá trị 30.666.500.000 VND.
- Tại thời điểm 31/12/2015, do chưa thể thống nhất về thủ tục thanh toán nợ trong nhóm nhà đầu tư giao dịch chứng khoán có liên thông tài khoản vì vậy Công ty chưa thể tiến hành điều chuyển phần công nợ phải thu với công nợ phải trả của khách hàng giao dịch chứng khoán số tiền là: 12.746.150.253 VND

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



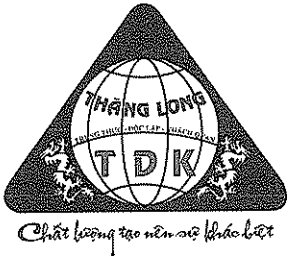
Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 114.3 /2015 BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng:

1. Như đã trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc mục "Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính", Công ty đã xử lý ghi nhận vào thu nhập bất thường trong kỳ khoản nợ phải trả theo Hợp đồng số 92/2010/HĐUT/Artex-PTTT ngày 21/9/2010 với giá trị là 30.666.500.000 VND.
2. Tại thời điểm 31/12/2015, do chưa thể thống nhất về thủ tục thanh toán nợ trong nhóm nhà đầu tư giao dịch chứng khoán có liên thông tài khoản vì vậy Công ty chưa thể tiến hành điều chuyển phần công nợ phải thu với công nợ phải trả của khách hàng giao dịch chứng khoán số tiền là: 12.746.150.253 VND

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1129-2014-045-1

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1706-2014-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.207.343.451	190.021.530.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		96.382.896.851	60.386.763.578
1. Tiền	111	V.01	96.382.896.851	60.386.763.578
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.701.308.510	126.125.526.879
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	20.475.302.713	129.573.740.322
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.773.994.203)	(3.448.213.443)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	41.646.154.206	3.312.485.398
1. Phải thu khách hàng	131		141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		40.373.287.500	475.250.296
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		29.773.560.061	31.689.459.991
5. Các khoản phải thu khác	138		392.140.600	31.734.339
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29.033.833.955)	(29.024.959.228)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		476.983.884	196.754.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	172.379.750	121.739.000
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		17.546.648	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	287.057.486	75.015.481
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.871.846.379	5.294.835.004
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		2.597.388.000	2.904.016.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	498.496.000	16.516.000
- Nguyên giá	222		9.843.534.988	9.278.926.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.345.038.988)	(9.262.410.988)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.098.892.000	2.887.500.000
- Nguyên giá	228		7.183.125.948	6.933.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.084.233.948)	(4.045.625.948)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.274.458.379	2.390.819.004
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	37.543.336	33.779.236
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		3.236.915.043	2.357.039.768
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		155.079.189.830	195.316.365.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		24.457.260.639	89.443.837.399
I. Nợ ngắn hạn	310		24.457.260.639	89.443.837.399
2. Phải trả người bán	312	V.09	1.288.745.216	352.305.200
3. Người mua trả tiền trước	313		198.700.000	198.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	26.076.579	2.442.647.289
5. Phải trả người lao động	315		496.409.343	787.714.432
6. Chi phí phải trả	316	V.11	291.005.342	1.066.859.630
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	430.009.300	30.111.893.929
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		21.323.254.326	54.080.656.386
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.621.929.191	105.872.527.941
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	130.621.929.191	105.872.527.941
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		539.355.743	539.355.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.456.782.294)	(30.206.183.544)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		155.079.189.830	195.316.365.340

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		859.380.140.000	408.318.930.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		100.112.730.000	133.408.840.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		21.642.660.000	3.661.120.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		78.470.070.000	129.747.720.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		5.000.000	170.050.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		5.000.000	170.050.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		7.136.180.000	10.162.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		7.136.180.000	10.162.200.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		752.126.230.000	94.697.890.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038			2.005.300.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		752.126.230.000	92.692.590.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		303.480.000	303.480.000

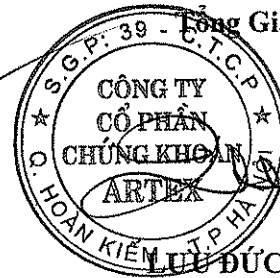
Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THÙY DUNG

TRẦN THỊ THU HÀ

LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	15.767.902.602	44.461.564.235
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		11.402.915.882	12.516.860.828
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		178.650	644.794.107
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		0	195.454.536
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		712.895.109	286.947.243
- Doanh thu khác	01.9		3.651.912.961	30.817.507.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		15.767.902.602	44.461.564.235
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	13.239.577.253	7.754.460.919
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.528.325.349	36.707.103.316
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	8.432.207.080	12.507.107.439
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.903.881.731)	24.199.995.877
8. Thu nhập khác	31	VI.17	30.674.709.091	80.121.705
9. Chi phí khác	32	VI.18	21.426.110	32.445.795
10. Lợi nhuận khác	40		30.653.282.981	47.675.910
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.749.401.250	24.247.671.787
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.19	0	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.749.401.250	24.247.671.787
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	1.833	1.796

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập



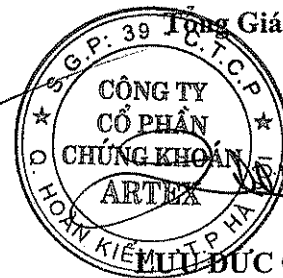
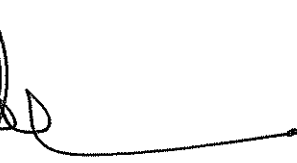
NGUYỄN THÙY DUNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Tổng Giám đốc

MUỖ ĐỨC QUANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	13.705.361.996	30.359.794.829
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(4.506.215.897)	(26.914.056.848)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	0	
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	5.909.815.865.496	4.987.667.650.782
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(5.930.040.462.295)	(4.792.187.590.128)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	0	
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(13.485.300.000)	(165.047.100.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(43.570.264.432)	(10.623.316.884)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(3.144.828.007)	(1.737.324.323)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	0	
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(17.546.648)	(21.434.188)
12. Tiền thu khác	14	15.703.316.975	356.905.337
13. Tiền chi khác	15	(27.029.411.037)	(5.401.153.067)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(82.569.483.849)</i>	<i>16.452.375.510</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	118.117.161.112	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	(119.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	30.000.000.000	122.448.438.888
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	448.456.010	28.138.034.375
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>118.565.617.122</i>	<i>31.586.473.263</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>0</i>	<i>0</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	35.996.133.273	48.038.848.773
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.386.763.578	12.347.914.805
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	96.382.896.851	60.386.763.578

Người lập



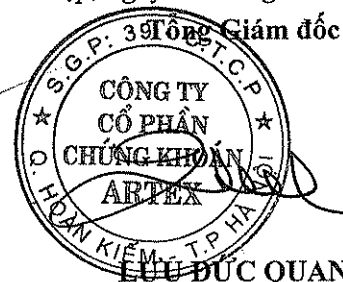
NGUYỄN THÙY DUNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016



LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	Năm nay	
				Tăng	Giảm				Tăng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		539.355.743	539.355.743	0	0	0	0	539.355.743	539.355.743
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		539.355.742	539.355.742	0	0	0	0	539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(54.453.855.331)	(30.206.183.544)	24.247.671.787		24.749.401.250	0	(30.206.183.544)	(5.456.782.294)
Cộng		81.624.856.154	105.872.527.941	24.247.671.787	0	24.749.401.250	0	105.872.527.941	130.621.929.191

Người lập

Nguyễn Thủy Dung

NGUYỄN THỦY DUNG

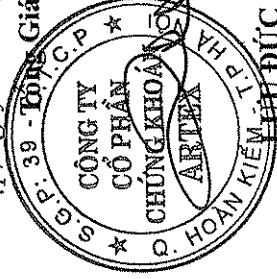
Phụ trách kế toán

Trần Thị Thu Hà

TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Chức vụ: 39 - Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**2.1. Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Số trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong năm là: 8.874.727 đồng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3 năm
- Phương tiện vận tải	5 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	--	---	---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Số trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm là: 6.325.780.760 đồng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông

báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

01. Tiền	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	82.058.690	408.062.622
- Tiền gửi ngân hàng	92.905.345.054	24.916.759.376
+ Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	8.598.520.094	35.061.941.580
+ Tiền gửi của Công ty	87.702.318.067	18.685.539.318
Cộng	96.382.896.851	60.386.763.578

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong năm	Giá trị KLGD thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán	13.729.936	151.760.113.497
- Cổ phiếu	13.729.936	151.760.113.497
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Của nhà đầu tư	686.483.589	7.539.389.604.703
- Cổ phiếu	686.483.589	7.539.389.604.703
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	700.213.525	7.691.149.718.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

02. Đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Số với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm	
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm			
I. Chứng khoán thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II. Chứng khoán đầu tư	2.194.614	596.810	20.475.302.713	11.456.579.210	1.196.297	0	9.773.994.203	3.448.213.443	10.702.504.807	8.008.365.767	8.008.365.767
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.194.614	596.810	20.475.302.713	11.456.579.210	1.196.297	0	9.773.994.203	3.448.213.443	10.702.504.807	8.008.365.767	8.008.365.767
- Cổ phiếu	2.194.614	596.810	20.475.302.713	11.456.579.210	1.196.297	0	9.773.994.203	3.448.213.443	10.702.504.807	8.008.365.767	8.008.365.767
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Đầu tư góp vốn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Đầu tư tài chính khác	0	0	0	118.117.161.112	0	0	0	0	0	118.117.161.112	118.117.161.112
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	0	0	0	118.117.161.112	0	0	0	0	0	118.117.161.112	118.117.161.112
Tổng cộng	2.194.614	596.810	20.475.302.713	129.573.740.322	1.196.297	0	9.773.994.203	3.448.213.443	10.702.504.807	126.125.526.879	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

03. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm		Số dự phòng		
	Trong kỳ	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	141.000.000	141.000.000	141.000.000	-	-	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	475.250.296	-	-	40.625.521.100	727.483.896	40.373.287.500	-	-	-
- Công ty CP Địa Ốc Star Hà Nội (*)	-	-	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	475.250.296	-	-	625.521.100	727.483.896	373.287.500	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	31.689.459.991	28.919.413.121	28.919.413.121	12.763.468.104	14.679.368.034	29.773.560.061	28.919.413.121	28.919.413.121	28.892.833.955
5. Phải thu khác	31.734.339	-	-	7.746.222.792	7.385.816.531	392.140.600	-	-	-
- Lãi phải thu từ các Hợp đồng hợp tác kinh doanh + Công ty TNHH Newland Holdings VN	26.268.531	-	-	-	26.268.531	-	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư FUJIKAEN Việt Nam	26.268.531	-	-	-	26.268.531	-	-	-	-
+ Công ty CP Liên kết đầu tư Quốc tế FLC	-	-	-	590.000.000	300.000.000	290.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	5.465.808	-	-	196.666.667	100.000.000	96.666.667	-	-	-
Tổng cộng:	32.337.444.626	29.060.413.121	29.060.413.121	61.135.211.996	22.792.668.461	70.679.988.161	29.060.413.121	29.060.413.121	29.033.833.955

(*) Hợp đồng đặt cọc số 0424/HĐ/STAR-ART ngày 24/4/2015 về việc thuê một phần diện tích sân vận động thuộc Tòa nhà FALCON Hà Đông. Đến thời điểm hiện tại, tòa nhà FALCON vẫn đang trong giai đoạn thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

04. Chi phí trả trước ngắn hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Phí dịch vụ Internet	0	1.997.000
- Phần mềm máy tính	9.625.000	18.509.000
- Chi phí công cụ dụng cụ	11.495.000	65.174.000
- Phí thường niên hoạt động chứng khoán	1.997.000	0
- Chi phí khác	149.262.750	36.059.000
Cộng	172.379.750	121.739.000

05. Tài sản ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tạm ứng	277.057.486	65.015.481
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	287.057.486	75.015.481

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Tại ngày 01/01/2015	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
- Mua trong năm	564.608.000	0	0	564.608.000
Tại ngày 31/12/2015	8.457.655.276	1.098.957.300	286.922.412	9.843.534.988
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	7.876.531.276	1.098.957.300	286.922.412	9.262.410.988
- Khấu hao trong năm	82.628.000	0	0	82.628.000
Tại ngày 31/12/2015	7.959.159.276	1.098.957.300	286.922.412	9.345.038.988
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
Tại ngày 01/01/2015	16.516.000	0	0	16.516.000
Tại ngày 31/12/2015	498.496.000	0	0	498.496.000

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Tại ngày 01/01/2015	5.568.343.400	1.364.782.548	6.933.125.948
- Mua trong năm	250.000.000	0	250.000.000
Tại ngày 31/12/2015	5.818.343.400	1.364.782.548	7.183.125.948
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	2.680.843.400	1.364.782.548	4.045.625.948
- Khấu hao trong năm	1.038.608.000	0	1.038.608.000
Tại ngày 31/12/2015	3.719.451.400	1.364.782.548	5.084.233.948
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH			
Tại ngày 01/01/2015	2.887.500.000	0	2.887.500.000
Tại ngày 31/12/2015	2.098.892.000	0	2.098.892.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
08. Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	36.019.000	26.182.900
- Chi phí khác	1.524.336	7.596.336
Cộng	37.543.336	33.779.236
09. Phải trả người bán		
- Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	0	145.000.000
- Công ty Luật TNHH SMIC	268.159.100	191.159.100
- Công ty CP Liên doanh đầu tư quốc tế KLF	69.878.000	0
- Công ty TNHH MTV FLC Land	934.373.641	0
- Các đối tượng khác	16.334.475	16.146.100
Cộng	1.288.745.216	352.305.200
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế thu nhập cá nhân	26.076.579	2.442.647.289
Cộng	26.076.579	2.442.647.289
11. Chi phí phải trả		
- Chi phí phải trả cho Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn với bà Phạm Thị Thành Thuỷ	0	666.500.000
- Chi phí tư vấn	172.425.000	172.425.000
- Chi phí khác	118.580.342	227.934.630
Cộng	291.005.342	1.066.859.630
12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	59.475.621	38.671.998
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.682.328	1.682.328
- Phạm Thị Thành Thuỷ (1)	0	30.000.000.000
- Các khoản khác	368.851.351	71.539.603
Cộng	430.009.300	30.111.893.929

(1) Gốc của Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEC-PTTT ngày 21/9/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010. Bên uỷ thác là bà Phạm Thị Thành Thuỷ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015***13. Vốn chủ sở hữu****13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối quý
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	0	0	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	0	0	539.355.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	0	0	539.355.742
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(30.206.183.544)	24.749.401.250	0	(5.456.782.294)
Tổng cộng	105.872.527.941	24.749.401.250	0	130.621.929.191

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp khác của tổ chức và cá nhân
- Cộng

Số cuối nămSố đầu năm

0	0
135.000.000.000	135.000.000.000
135.000.000.000	135.000.000.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

Cổ tức và lợi nhuận đã chiaNăm nayNăm trước

135.000.000.000	135.000.000.000
0	0
0	0
135.000.000.000	135.000.000.000

13.3 Cổ phiếuSố cuối nămSố đầu năm

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

13.500.000 13.500.000

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu phổ thông

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu phổ thông

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
14. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	11.402.915.882	12.516.860.828
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	178.650	644.794.107
- Doanh thu hoạt động tư vấn	0	195.454.536
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	712.895.109	286.947.243
- Doanh thu khác	3.651.912.961	30.817.507.521
Cộng	15.767.902.602	44.461.564.235
15. Chi phí hoạt động kinh doanh		
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	3.268.842.878	3.323.063.304
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.617.001.497	1.012.838.569
- Chi phí hoạt động tư vấn	0	210.000.000
- Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.325.780.760	3.134.179.460
- Chi phí khác	27.952.118	74.379.586
Cộng	13.239.577.253	7.754.460.919
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.415.828.970	2.429.509.859
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.121.236.000	210.426.136
- Thuế, phí, lệ phí	224.057.940	92.445.772
- Dự phòng phải thu khó đòi	9.125.824	4.677.572.809
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.606.860.658	4.890.263.247
- Chi phí bằng tiền khác	55.097.688	206.889.616
Cộng	8.432.207.080	12.507.107.439
17. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	8.209.091	0
- Xử lý công nợ lâu ngày	30.666.500.000	0
- Các khoản khác	0	80.121.705
Cộng	30.674.709.091	80.121.705
18. Chi phí khác		
- Phạt chậm nộp thuế	21.426.110	0
- Các khoản khác	0	32.445.795
Cộng	21.426.110	32.445.795
19. Chi phí thuế TNDN hiện hành		<i>Kỳ này</i>
1. Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế		24.749.401.250
2. Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN		0
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		323.084.515

4. Số lỗ kết chuyển		25.072.485.765
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (4=1-2+3-4)		0
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (5=4x22%)		0
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận sau thuế	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	24.749.401.250	24.247.671.787
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	13.500.000	13.500.000
- Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	1.833	1.796

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	96.382.896.851	96.382.896.851
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.475.302.713	10.701.308.510
- Các khoản phải thu khách hàng	141.000.000	-
- Trả trước cho người bán	40.373.287.500	40.373.287.500
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.773.560.061	880.726.106
- Phải thu khác	392.140.600	392.140.600

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 31/12/2015
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	-
- Phải trả người bán	1.288.745.216
- Người mua trả tiền trước	198.700.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21.323.254.326
- Chi phí phải trả	291.005.342
- Phải trả khác	430.009.300

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	1.288.745.216		1.288.745.216
- Người mua trả trước	198.700.000		198.700.000
- Phải trả khác	430.009.300		430.009.300
- Chi phí phải trả	291.005.342		291.005.342
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21.323.254.326		21.323.254.326

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

3. Thông tin về các bên liên quanTrong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.
Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư với các bên liên quan.**4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm:**

Các bên liên quan	Chức vụ	Số tiền (VND)
Thù lao Hội đồng Quản Trị		
Ông Lưu Đức Quang	TV HĐQT	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	24.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	24.000.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	24.000.000
Thù lao Ban kiểm soát		
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	12.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	12.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban mới	24.000.000
Thù lao Ban Giám đốc		
Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	574.000.000
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	403.200.000

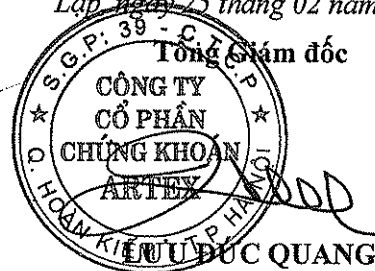
Lập ngày 25 tháng 02 năm 2015

Người lập

NGUYỄN THỦY DUNG

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ



Lập ngày 25 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CHỨNG KHOÁN

ARTEX

L.Đ. H.Đ. H.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

PHỤ LỤC 1

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
I. Chứng khoán thương mại								
II. Chứng khoán đầu tư								
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.194.614	596.810	20.475.302.713	11.456.579.210	(9.773.495.406)	(3.448.213.443)	10.701.807.307	8.010.135.865
- Cổ phiếu (EVERPIA)	2.194.614	596.810	20.475.302.713	11.456.579.210	(9.773.495.406)	(3.448.213.443)	10.701.807.307	8.010.135.865
(ITASCO)	6	6	157.744	157.744	4.256		162.000	1.578.000
CDC	5.000	5.000	110.000.000	110.000.000	0		110.000.000	110.000.000
CIC	5	5	0	0	39.500		39.500	46.500
CSC	82	82	697.500	697.500	(697.500)		0	698
CSC	8	8	0	0	126.407		126.407	68.055
CTG	3	3	69.646	69.646	(13.846)	(28.246)	55.800	41.400
DIG	8	8	127.797	127.797	(54.997)	(22.997)	72.800	104.800
DQC	9	8	191.300	191.300	321.700		513.000	440.000
DTL	7	7	121.100	121.100	(63.700)	(56.000)	57.400	65.100
EIB	6	6	72.450	72.450	(5.250)	0	67.200	76.800
FLC	180.000	200.000	1.611.295.233	2.310.000.000	(6.000)	(6.600)	96.600	96.000
FPT	2	2	102.600	102.600	(406.380)		93.600	96.000
GGG	72	72	499.980	499.980	112.800	(391.980)	254.400	108.000
GMD	6	6	141.600	141.600	(1.304.000.000)		1.196.000.000	173.400
HAI	230.000	366.060	2.500.000.000	8.544.861.730	(13.400)	(3.090.567.730)	53.100	5.454.294.000
HAP	9	9	66.500	66.500	(32.000)		2.800	72.900
HLA	4	4	34.800	34.800	(18.667)	(27.600)	24.000	7.200
HLG	5	5	42.667	42.667	134.100	(25.667)	220.500	17.000
HSG	7	6	86.400	86.400	(30.400)		22.400	285.000
ITA	4	4	52.800	52.800	(20.200)	(20.800)	24.300	32
KDC	1	1	44.500	44.500	(189.295.233)		1.422.000.000	49.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

KLF	1.753.861	0	15.762.290.000	0	(5.543)	(130.000.000)	18.000	2.180.000.000
KMR	4	4	23.543	23.543	(8.045.301.600)		7.716.988.400	28.400
LAF	6	6	113.400	113.400	(25.200)	(41.400)	88.200	72.000
MCG	5	5	64.500	64.500	(44.000)	(32.500)	20.500	32.000
MHC	5	5	27.000	27.000	49.500		76.500	80.000
NSC	1	1	33.900	33.900	61.100		95.000	80.000
PIT	6	6	54.000	54.000	(9.600)	(7.200)	44.400	46.800
PPC	5	5	55.833	55.833	35.667		91.500	132.000
PTL	7	7	65.800	65.800	(53.900)	(44.100)	11.900	21.700
QNC	7	7	105.916	105.916	(66.716)	(47.816)	39.200	58.100
REE	8	8	0	0	201.600		201.600	225.600
SBT	5	0	128.500	0	(8.000)		120.500	
SEC	0	6	0	128.500	(113.000)	(52.900)	117.500	75.600
SJS	5	5	230.500	230.500	83.067	(105.000)	238.000	125.500
SRC	7	7	154.933	154.933	(2.064)		52.400	238.000
STB	4	4	54.464	54.464	26.600		61.600	72.000
TCM	2	2	35.000	35.000	(233.529.600)		253.480.000	64.000
TECHCOMBANK	25.348	25.348	487.009.600	487.009.600	(29.700)	(225.925.200)	36.900	261.084.400
TLH	9	9	66.600	66.600	(422.400)		52.800	80
V11	48	48	475.200	475.200	(16.900)	(388.800)	68.600	86.400
VPH	7	5	85.500	85.500	(405.907)	(33.000)	18.000	52.500
VSP	20	20	423.907	423.907	0	(387.907)		36.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

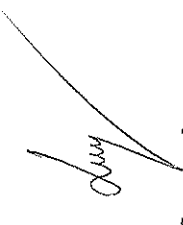
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Trưởng Giám đốc

Người lập

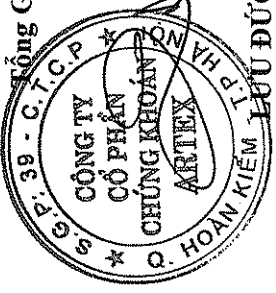
Phụ trách kế toán



NGUYỄN THỦY DUNG



TRẦN THỊ THU HÀ





LƯU ĐỨC QUANG

